

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B  
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/DS-ST  
Ngày: 25/02/2025  
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – TỈNH BẾN TRE

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lựu.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Công Trung.

2. Bà Võ Thị Hiền.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Hoàng Long – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện B tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 123/2024/TLST-DS ngày 25/4/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 225/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 159/2024/QĐST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1976 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: số E, khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

**Bị đơn:** Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: số H N, khu phố D, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Ngô Thị Minh T1, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: số H N, khu phố D, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm*

*nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Phương T trình bày:*

Vào ngày 02/11/2023 Âm lịch (ngày 14/12/2023 Dương lịch) bà có cho ông Nguyễn Thanh L vay số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng); lãi suất hai bên tự thỏa thuận. Thời gian vay là 03 tháng; mục đích vay là nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình. Sau khi vay tiền ông L chưa đóng khoản lãi nào cho bà và đến thời hạn trả vốn ông L cũng không thực hiện; bà đã nhiều lần liên lạc điện thoại yêu cầu ông L trả số nợ trên nhưng ông L cũng không thực hiện. Việc ông L vay tiền là nhằm mục đích phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình.

Vì vậy, nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thanh L và vợ là Ngô Thị Minh T1 phải liên đới trả cho bà số tiền vay là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và lãi suất tính từ ngày 14/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1,66%/tháng.

*Bị đơn ông Nguyễn Thanh L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Minh T1 vắng mặt tại tất cả các lần hòa giải cũng như xét xử nên không có lời trình bày:*

*\* Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:*

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thấy rằng Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng; các đương sự nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn không chấp hành theo Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự; thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư khách quan, độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Minh T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T số tiền 100.000.000 đồng và lãi suất của số tiền trên tính từ 14/12/2023 đến ngày xét xử với mức lãi suất 1,66%/tháng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

#### **1. Về tố tụng:**

[1.1] Qua biên bản xác minh vào ngày 12/8/2024 tại Công an Thị trấn B xác nhận số Chứng minh nhân dân trong giấy vay tiền là của ông Nguyễn Thanh L,

và ông L có đăng ký hộ khẩu tại số H N, khu phố D, thị trấn B hiện không có mặt tại địa phương.

[1.2] Trong giấy vay tiền được lập giữa hai bên ông L ghi địa chỉ: số E, N, Phường B, Thành phố V. Theo xác nhận của Công an P, Thành phố V thì ông Nguyễn Thanh L không có đăng ký tạm trú và sinh sống tại số E, N, Phường B, Thành phố V. Do đó, Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng tại nơi đăng ký thường trú của ông L để xét xử là phù hợp với quy định tại Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 của nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao.

[1.3] Bị đơn ông Nguyễn Thanh L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Minh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử nhưng ông L và bà T1 vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thanh L và bà Ngô Thị Minh T1.

## 2. Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn bà T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông L và bà T1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền vay 100.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 14/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 1.66%/tháng. Bị đơn ông Nguyễn Thanh L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Minh T1 vắng mặt nên không có ý kiến.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn khởi kiện căn cứ vào Giấy vay tiền có chữ ký của ông Nguyễn Thanh L. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt cho ông L và bà T1 thông báo thụ lý vụ án cùng các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án, trong đó có giấy vay tiền do bà T giao nộp; Tòa án đã tổng đạt thông báo hòa giải cho ông L, bà T1 nhưng ông L, bà T1 không có ý kiến, cũng không có văn bản phản đối tài liệu mà phía nguyên đơn đưa ra nên phía nguyên đơn không có nghĩa vụ phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó căn cứ vào giấy vay tiền mà bà T cung cấp có cơ sở xác nhận ông Nguyễn Thanh L có nợ của bà T số tiền 100.000.000 đồng; do ông L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà T khởi kiện là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu tính lãi suất của bà T từ ngày vi phạm nghĩa vụ ngày 14/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 27/11/2024 xét thấy: theo nội dung giấy vay tiền có ghi lãi suất theo thỏa thuận; và mức lãi suất bà T yêu cầu tính là 1,66%/tháng cũng phù hợp với mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà T. Lãi suất được tính như sau: 100.000.000 đồng x 11 tháng 13 ngày x 1,66%/tháng = 18.979.000 đồng.

[2.4] Xét yêu cầu của bà T về việc buộc bà T1 phải chịu trách nhiệm liên đới cùng ông L trả nợ xét thấy: Tại biên bản xác minh ngày 12/8/2024 tại Ủy ban nhân dân thị trấn B xác nhận ông L và bà T1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B; trong giấy vay tiền là nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình nên theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình bà T1 phải có trách nhiệm cùng ông L trả nợ.

[3] Xét quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn ông Nguyễn Văn L1 và bà Ngô Thị Minh T1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là  $118.979.000 \text{ đồng} \times 5\% = 5.949.000 \text{ đồng}$  (Năm triệu chín trăm bốn mươi chín ngàn đồng) theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 92, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương T về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc ông Nguyễn Thanh L và bà Ngô Thị Minh T1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Phương T số tiền là 118.979.000 đồng (Một trăm mười tám triệu chín trăm bảy mươi chín ngàn đồng) trong đó số tiền gốc là 100.000.000 đồng và lãi suất là 18.979.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Nguyễn Thanh L và bà Ngô Thị Minh T1 phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí là 5.949.000 đồng (Năm triệu chín trăm bốn mươi chín ngàn đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.640.000 đồng (Hai triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004215 ngày 22/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành

án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng bị đơn ông Nguyễn Thanh L và bà Ngô Thị Minh T1 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Lựu**